

Số: /BC-UBND

Ba Tơ, ngày tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân tộc

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Ba Tơ là huyện miền núi nằm về phía Tây Nam của tỉnh Quảng Ngãi, cách trung tâm Thành phố Quảng Ngãi 60 km; tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện 113.795,69 ha. Trong đó, đất sản xuất nông nghiệp 6.115,32 ha, chiếm 5,38%, đất lâm nghiệp 97.278,60 ha, chiếm 85,58%; địa hình có nhiều đồi núi, hệ thống sông, suối phân bố khắp trên địa bàn. Huyện Ba Tơ giáp ranh với 03 huyện ngoài tỉnh: Kon Plông, tỉnh Kon Tum; Kbang, tỉnh Gia Lai; An Lão, tỉnh Bình Định và 04 huyện trong tỉnh: Đức Phổ, Nghĩa Hành, Minh Long, Sơn Hà; có Quốc lộ 24 và Quốc lộ 24B đi qua nối liền với các tỉnh Tây Nguyên; toàn huyện có 18 xã và 01 thị trấn, với 85 thôn và 08 Tổ dân phố; trong đó có 15 xã khu vực III và có 03 thôn, TDP đặc biệt khó khăn; thị trấn Ba Tơ và 04 xã: Ba Vinh, Ba Động, Ba Thành, Ba Giang được Thủ tướng Chính phủ công nhận xã An toàn khu (ATK).

Dân số toàn huyện đến cuối năm 2024 có **17.647** hộ với **63.740** khẩu gồm dân tộc Hre, dân tộc Kinh và các dân tộc khác, trong đó dân tộc Hre là **14.925** hộ, **53.522** khẩu chiếm 83,97 %.

Trong những năm công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai đến tận các khu dân cư nên tình hình sản xuất và đời sống của ĐBDTTS trên địa bàn huyện được cải thiện, người dân đã từng bước biết áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt và chăn nuôi để phát triển kinh tế hộ gia đình, các chính sách hỗ trợ cho đồng bào thực hiện đúng, kịp thời, đảm bảo 100% kinh phí được giao. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định.

Tuy nhiên, đại đa số người đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu sống bằng nghề nông, do điểm xuất phát còn thấp, trình độ, điều kiện sản xuất còn hạn chế nên đời sống, vật chất của một số đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, nhận thức của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai, thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện trong năm qua.

II. KẾT QUẢ 03 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 06

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và triển khai thực hiện

1.1. Việc tổ chức quán triệt và ban hành văn bản cụ thể hóa triển khai thực hiện Nghị quyết 06.

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành về công tác dân tộc và Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Huyện ủy, HĐND huyện, UBND huyện, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện đã quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung nguồn lực đầu tư vào những nội dung nhằm khơi dậy, phát huy những thế mạnh của địa phương để phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo thực hiện thắng lợi những mục tiêu, chỉ tiêu Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn huyện, cụ thể:

- Huyện ủy đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc, Chương trình tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN, như: Kế hoạch số 91-KH/HU ngày 30/9/2022 việc thực Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân tộc; Chương trình hành động số 17-CTr/HU ngày 31/12/2021 của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi.

- HĐND huyện đã ban hành Nghị quyết về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025 (*sau đây gọi tắt là Chương trình*) như: Nghị quyết số 83/2022/NQ-HĐND ngày 24/8/2022 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và các Nghị quyết về giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hằng năm.

- UBND huyện đã ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc, kế hoạch cụ thể hóa chương trình hành động của tỉnh, huyện, kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi¹ và các kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm nhằm đạt mục tiêu theo Nghị quyết số 06-NQ/TU đề ra. Ngoài các chính sách của Trung ương ban hành, trên địa huyện thực hiện chính sách đặc thù của tỉnh đối với vùng đồng bào dân tộc

¹ Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 13/02/2023 về triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn huyện Ba Tơ; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 31/5/2022 thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/HU ngày 31/12/2021 của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 13/02/2022 về Triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Ba Tơ; Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 về việc giao Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và ban hành kế hoạch hàng năm thực hiện Chương trình;

thiểu số và miền núi. Cụ thể, UBND huyện hàng năm ban hành kế hoạch thực hiện Đề án cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng miền núi của tỉnh Quảng Ngãi nhân dịp Tết Nguyên đán, giai đoạn 2019 - 2025 theo Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

1.2. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương

Trên cơ sở kế hoạch Kế hoạch số 91-KH/HU ngày 30/9/2022 về thực Nghị quyết số 06-NQ/TU được ban hành, các cơ quan, ban, ngành và tổ chức chính trị - xã hội huyện, Ủy ban Nhân dân các xã, thị trấn căn cứ chức năng nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến công tác dân tộc, chính sách dân tộc; đồng thời tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

1.3. Công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện

Có thể nói, thời gian qua, hoạt động giám sát của các đơn vị, nhất là của Quốc hội, Hội đồng Nhân dân đã có nhiều đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động của toàn bộ máy Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở; góp phần đưa luật pháp, các Nghị quyết của Quốc hội, Hội đồng Nhân dân đi vào thực tiễn cuộc sống.

Qua hoạt động giám sát, các đoàn giám sát đã phát hiện một số tồn tại hạn chế, các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) đã được các cấp ủy, chính quyền quan tâm tháo gỡ, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết một cách kịp thời. Các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, tổ chức thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc của các cơ quan, đơn vị đã được chấn chỉnh kịp thời có hiệu quả.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân tộc

2.1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc

Để các chủ trương, của Đảng, chính sách Nhà nước đến với người dân, tác động và làm thay đổi nhận thức, ý thức tự giác của người dân, nhất là người dân trong vùng đồng bào DTTS thì việc tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt các chủ trương chính sách của đảng giữ vai trò hết sức quan trọng; trong thời gian qua các cấp, các ngành trên địa bàn huyện đã phối hợp tuyên truyền đến người dân các văn bản như: Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045; Triển khai Thông tư số 05/2022/TT-UBDT ngày 30/12/2022 của UBND về việc Quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo

thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc trên địa bàn huyện theo Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2.1.2. Đánh giá sự đổi mới trong công tác hướng dẫn, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết 06 gắn với việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về công tác dân tộc; những thay đổi trong nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị, các ngành và các tầng lớp nhân dân.

Trong thời kỳ đổi mới, nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề dân tộc, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, như Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 27-11-1989 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế-xã hội miền núi; Nghị quyết số 24/NQ/TW ngày 12-3-2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc; Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 20-10-2015 của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số... đã được thể chế hóa trong nhiều bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, thông tư... của các cơ quan có thẩm quyền. Nhờ vậy, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số đã có sự phát triển mạnh mẽ hơn, phong phú và đa dạng hơn, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt trên tất cả các phương diện.

2.1.3. Về nâng cao chất lượng hệ thống chính trị

- Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác phát triển đảng viên, trong những năm qua, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng triển khai thực hiện công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên bảo đảm về số lượng và chất lượng. Qua đó, góp phần tăng cường nguồn lực cho Đảng, trẻ hoá đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, đảm bảo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc chú trọng phát triển đảng viên nói chung, đảng viên là người DTTS nói riêng đã giúp các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ huyện không ngừng lớn mạnh. Hầu hết đội ngũ đảng viên đều phát huy tốt tinh thần trách nhiệm, trở thành những hạt nhân trong công tác thực hiện, tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào các DTTS được thuận lợi, hiệu quả hơn. Nhờ đó, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được đảm bảo, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Về công tác dân vận vùng đồng bào DTTS và miền núi; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được quan tâm triển khai thực hiện trong vùng đồng bào DTTS gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư... Phát huy vai trò của già làng, trưởng thôn, người có uy tín... là người DTTS trong công tác tuyên truyền, vận

động đồng bào dân tộc tham gia các phong trào thi đua yêu nước, tích cực xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Công tác dân vận đã góp phần làm thay đổi diện mạo đời sống, kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS của huyện nhà. Nhiều mô hình phát triển sản xuất được hình thành, nhân rộng như: mô hình nuôi bò sinh sản, nuôi heo ky, dê,...; phát triển kinh tế cho thanh niên, phụ nữ; làm đường giao thông nông thôn, lắp đặt hệ thống điện mặt trời chiếu sáng đường quê, xây dựng phòng học, tặng tivi, máy vi tính; xây dựng hàng trăm nhà tình nghĩa, mái ấm tình thương; xây dựng công trình khắc phục hậu quả thiên tai; hỗ trợ kinh phí cho các địa phương phòng chống thiên tai, dịch bệnh; tặng hàng trăm suất học bổng, sách, vở, dụng cụ học tập, tặng hàng nghìn suất quà, áo ấm; tổ chức nhiều đợt khám bệnh, cấp phát thuốc; gian hàng 0 đồng...

Chính sách an sinh xã hội, giáo dục, y tế có nhiều chuyển biến tiến bộ; văn hóa truyền thống của các dân tộc tiếp tục được giữ gìn và phát huy; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đoàn kết giữa các dân tộc trong tỉnh ngày càng tốt hơn, góp phần củng cố niềm tin của đồng bào DTTS đối với Đảng và Nhà nước.

Thông qua công tác dân vận chính quyền, nhìn chung, nhận thức của sở, ngành, địa phương và cán bộ, đảng viên về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc, công tác vận động đồng bào DTTS có phần được nâng lên. Đồng bào các DTTS đã có những thay đổi về nhận thức trong phát triển sản xuất, học nghề, lập nghiệp, xây dựng đời sống nông thôn mới, nâng cao ý thức gìn giữ và phát triển bản sắc văn hóa của từng dân tộc, nỗ lực vươn lên giảm nghèo bền vững.

- Việc phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS

Trong những năm qua, người có uy tín trên địa bàn huyện cũng đã tích cực duy trì, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước như chương trình giảm nghèo bền vững, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cuộc vận động xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, các Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ, Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, các hủ tục lạc hậu. Qua đó, đã xây dựng được thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc, công tác đảm bảo an ninh trật tự gắn với phát triển kinh tế - xã hội, phát huy được vai trò tích cực của người có uy tín; chủ động phòng ngừa không để kẻ địch lôi kéo, mua chuộc, lợi dụng kích động, xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Cùng với công tác vận động, UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể giúp đỡ, tạo điều kiện cho người có uy tín phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, giải quyết các nhu cầu chính đáng để họ phát huy vai trò, ảnh hưởng tích cực trong cộng đồng. Các vụ việc mâu thuẫn, mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân và tranh chấp khiếu kiện liên quan đến đất đai... ở cơ sở tuy không lớn nhưng vẫn còn xảy ra và tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Nhận thức được công tác hoà giải ở cơ sở là hết sức quan trọng, làm ổn định tình hình an ninh trật tự, giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nhân dân, không để nảy sinh phức tạp; trong thời gian qua, bằng nhiều hình thức và trách nhiệm của mình người có uy tín đã tham gia cùng với chính quyền các cấp giải quyết ổn định các vụ tranh chấp, khiếu kiện có liên quan đến an ninh nông thôn;

tham gia hoà giải các vụ mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, vận động, ngăn chặn các vụ tảo hôn và nghi kỵ cầm đồ thuốc độc tại các địa phương.

2.1.4. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân tộc

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách được tổ chức định kỳ, thường xuyên. Kịp thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách.

2.2. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc

2.2.1. Rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực của các cơ quan quản lý nhà nước vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Xác định và phân công rõ vai trò, trách nhiệm của cơ quan làm công tác dân tộc của các phòng, ban và công chức làm công tác dân tộc cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc và các chính sách dân tộc nhất là thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác dân tộc.

Triển khai xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người đồng bào dân tộc thiểu số ở các cấp, các ngành có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn ngày càng cao, góp phần quan trọng vào việc quản lý, điều hành, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội.

2.2.2. Kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách

- Kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng theo đúng định hướng; theo số liệu thống kê tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) (năm 2022 đạt 1.898,18 tỷ đồng, năm 2023 đạt 2.099,49 tỷ đồng, năm 2024 đạt 2.309,98 tỷ đồng, dự kiến năm 2025 đạt 2.531,3 tỷ đồng (Nghị quyết đến 2025: 2.117,68 tỷ đồng).

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, những mô hình, điển hình sản xuất có hiệu quả; phát triển du lịch, dịch vụ gắn với phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ: Ngành nông nghiệp giảm từ 53,46% xuống còn 47,54%; ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 31,99% lên 36,74%; ngành thương mại - dịch vụ tăng từ 14,55% lên 15,72%; dự kiến năm 2025 ngành nông nghiệp 47,03%, công nghiệp - xây dựng 36,88%, thương mại - dịch vụ 16,09% (Nghị quyết: Đến năm 2025 ngành nông nghiệp: 52 - 53%, ngành công nghiệp - xây dựng: 32 - 33%, ngành dịch vụ: 16 - 17%).

- Việc huy động và sử dụng các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng

UBND huyện tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã thông suốt 04 mùa, 70% thôn có đường ô tô được cứng hóa. Hệ thống giao thông cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng

hóa và đi lại của người dân; mạng lưới giao thông từ huyện đến xã, thôn đang từng bước được cải thiện. Hệ thống hạ tầng cấp điện nông thôn miền núi được quan tâm đầu tư, xây dựng, đến nay tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 99,7%.

+ Hỗ trợ đồng bào DTTS phát triển sản xuất, kinh doanh.

Trên địa bàn huyện hiện nay có **16 Hợp tác xã** hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó đã có một số hợp tác xã chủ động đầu tư công nghệ phục vụ sản xuất, chế biến, nâng cao giá trị các sản phẩm nông, lâm nghiệp, tạo thu nhập ổn định.

+ Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao mức sống của đồng bào DTTS: Công tác giảm nghèo đa chiều đã đạt nhiều kết quả tích cực theo từng năm và giai đoạn, cụ thể từ năm 2022 - 2024 bình quân mỗi năm giảm 6.24 %, (*năm 2022 giảm 5,13%, năm 2023 giảm 6%, năm 2024 giảm 7,6%*), đạt chỉ tiêu Nghị quyết (*Nghị quyết: giảm 4 - 6%*).

Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm nhằm ổn định đời sống, nâng cao thu nhập cho người dân trong vùng đồng bào DTTS. Với mục tiêu đào tạo nghề phải gắn với giải quyết việc làm, ổn định đời sống người lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Giải quyết việc làm mới khoảng 8.300 người, mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 1.600 - 1.700 lao động, đạt khoảng 100% so với Nghị quyết đề ra. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn huyện khoảng 29,5%, đạt 100% so với kế hoạch huyện giao. Công tác đưa người đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn (*xuất khẩu lao động*) được thực hiện và duy trì hoạt động, hàng năm đều có người tham gia đi làm việc ở nước ngoài.

+ Kết quả thực hiện 3 Chương trình mục tiêu Quốc gia (CTMTQG): CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi; CTMTQG xây dựng nông thôn mới; CTMTQG giảm nghèo bền vững.

Tổng kế hoạch vốn giao cho 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2022-2024 là 512.202,497 triệu đồng (*trong đó: Vốn đầu tư là 255.707,525 triệu đồng và vốn sự nghiệp là 256.494,972 triệu đồng*); đã giải ngân 219.661,100 triệu đồng (*trong đó: Giải ngân vốn đầu tư là 190.795,623 triệu đồng, đạt 74,61 % KH vốn và vốn sự nghiệp là 28.865,477 triệu đồng, đạt 11,25 % KH vốn*); đạt 42,88 % KH vốn giao. Cụ thể từng nguồn vốn như sau:

+ **Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới:** Tổng kế hoạch vốn giao giai đoạn 2022 - 2024 là 51.096,996 triệu đồng (*trong đó: Vốn đầu tư 51.087,49 triệu đồng, vốn sự nghiệp 9,506 triệu đồng*); đã giải ngân 31.854,048 triệu đồng, đạt 62,3% KH vốn giao (*trong đó: Giải ngân vốn đầu tư là 31.849,479 triệu đồng, đạt 62,34% KH vốn và vốn sự nghiệp là 4,569 triệu đồng, đạt 48,07% KH vốn*).

+ **Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững:** Tổng kế hoạch vốn giao giai đoạn 2021 - 2024 là 22.557,417 triệu đồng (*trong đó: Vốn đầu tư 0 triệu đồng, vốn sự nghiệp 22.557,417 triệu đồng*); đã giải ngân 7.085,782 triệu đồng, đạt 31,41% KH vốn giao.

+ **Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:** Tổng kế hoạch vốn giao giai đoạn 2021 - 2024 là 438.548,084 triệu đồng (*trong đó: Vốn đầu tư 204.620,035 triệu đồng, vốn sự nghiệp 233.928,049 triệu đồng*); đã giải ngân 180.721,27 triệu đồng, đạt 41,21% KH vốn giao (*trong đó: Giải ngân vốn đầu tư là 158.946,144 triệu đồng, đạt 77,68% KH vốn và vốn sự nghiệp là 21.775,126 triệu đồng, đạt 9,3% KH vốn*).

- Về văn hóa, giáo dục và đào tạo, y tế:

+ Công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào các DTTS: Các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư, quản lý và sử dụng có hiệu quả, các phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của đồng bào được giữ gìn và phát huy, đời sống tinh thần, sinh hoạt cộng đồng của đại đa số đồng bào các DTTS được quan tâm phát huy, các nghệ nhân ưu tú được trao dồi nâng cao trình độ để gìn giữ lưu truyền các làng nghề, nét văn hóa truyền thống cho thế hệ trẻ. Đến cuối năm 2024, 18/19 xã, thị trấn có nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 94,73%, tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng là 100%, tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ truyền thống hoạt động thường xuyên đạt 15%.

+ Chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, dạy nghề: Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên từng bước được củng cố, kiện toàn theo yêu cầu, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đáp ứng được yêu cầu đổi mới công tác quản lý giáo dục, đổi mới dạy học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư, cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình, phương pháp dạy học, đảm bảo điều kiện để nuôi dạy học sinh nội trú.

Chất lượng giáo dục của các trường PTDTNT THCS ngày càng được nâng lên, tỷ lệ trúng tuyển hàng năm vào Trường PTDTNT THPT tỉnh khoảng từ 60 - 80% và các trường THPT từ 30 - 45%; số còn lại các em đi học nghề tại các trung tâm hoặc trường cao đẳng nghề.

Triển khai Đề án “*Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025*”; 100% trẻ dân tộc thiểu số (DTTS) ra lớp đều được tăng cường tiếng Việt phù hợp độ tuổi, từng bước rút ngắn khoảng cách chất lượng giáo dục giữa miền núi và đồng bằng.

+ Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân: Chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân từng bước được đảm bảo. 100% xã có trạm y tế hoạt động, chất lượng cán bộ y tế cơ sở đã được nâng cao, đảm bảo 100% xã có bác sỹ, các thôn có nhân viên y tế; tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi đạt 21.6%; tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 98%; giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em. Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 70%.

Thường xuyên thực hiện công tác truyền thông, tuyên truyền hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh tại các nơi công cộng, tập trung truyền thông hướng dẫn mọi người thực hiện tốt các biện pháp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đặc biệt người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn, nơi cư trú.

2.3. Đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng thông tin, tuyên truyền, quán triệt quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhất là chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo; công tác đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, đấu tranh phản bác các quan điểm, thông tin sai trái, nhất là trên không gian mạng. Chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, những vấn đề nổi cộm, bức xúc, tâm tư nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân để kịp thời xử lý, nhất là các vụ việc gây phức tạp về an ninh trật tự, vi phạm pháp luật.

Triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ gắn với thực hiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tăng cường tuyên truyền, tuần tra kiểm soát, triển khai các biện pháp, các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội và xử lý kiên quyết các hành vi vi phạm trật tự xã hội, an toàn giao thông.

Đến nay, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững và ổn định, không có vụ việc gây rối trật tự xã hội, không xảy ra những điểm nóng phức tạp; đồng bào các dân tộc chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. 100% tỷ lệ xã, thị trấn đạt danh hiệu xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung sau 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 06

1.1. Ưu điểm

- Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, quyết liệt của Huyện ủy, HĐND và UBND huyện trong triển khai thực hiện công tác dân tộc và các chính sách dân tộc trong đó trọng tâm là thực hiện Chiến lược công tác dân tộc. Kịp thời xây dựng kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG, ban hành các quy định liên quan để thực hiện các Chương trình MTQG để triển khai thực hiện đạt được nhiều kết quả.

- Tình hình kinh tế - xã hội trong toàn huyện phục hồi tốt và ổn định. Công tác phòng chống dịch bệnh được kiểm soát tốt, thích ứng an toàn, linh hoạt, hiệu quả; tình hình an ninh, trật tự xã hội được giữ vững; các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số đảm bảo đúng quy định như: Chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu nhân dịp Tết Nguyên đán; thăm hỏi và tặng quà cho thương binh, thân nhân liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, các đối tượng chính sách xã hội là người dân tộc thiểu số, các đối tượng là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số...

- Việc thực hiện các chính sách dân tộc đã góp phần rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội; đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hoàn chỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đề ra; đáp ứng ngày càng cao nhu cầu sản xuất và dân sinh, nhất là cơ sở hạ tầng thiết yếu (*giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, trạm y tế*); các chính sách dân tộc đã góp phần làm cho quy mô tổng sản phẩm tăng lên đáng kể, tốc độ tăng

trường kinh tế ổn định, cơ cấu chuyển dịch đúng hướng; các ngành, lĩnh vực, thành phần kinh tế đều phát triển; văn hóa - xã hội có những bước tiến đáng kể, đồng bộ với phát triển kinh tế và quản lý, bảo vệ môi trường.

1.2. Tôn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những khó khăn, hạn chế: Quy mô kinh tế nhỏ, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm và chưa vững chắc; kết cấu hạ tầng tuy đã được đầu tư cơ bản nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển; huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư còn hạn chế; tỷ lệ hộ nghèo cao so với bình quân chung của tỉnh; chất lượng giáo dục, y tế còn thấp; bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của bà con đang có xu hướng bị mai một; tư tưởng trông chờ, ỷ lại và một số phong tục, tập quán lạc hậu của một bộ phận dân tộc thiểu số vẫn còn tồn tại. Hệ thống chính trị cơ sở ở một số nơi còn yếu; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Việc tổ chức, triển khai và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi triển khai còn chậm; một số nội dung tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi các bộ, ngành trung ương hướng dẫn chậm và chưa hướng dẫn nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện Chương trình.

1.3. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan) của những ưu điểm, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

- Trong năm 2021 và những tháng đầu năm 2022 tình hình dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, là nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng hầu hết các lĩnh vực trong nền kinh tế, trong đó làm nhiều lao động mất việc làm, kinh tế hộ gia đình khó khăn.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao để đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, là năm đầu tiên thực hiện các Chương trình MTQG nên nguồn lực hỗ trợ đầu tư chưa nhiều, nhất là cho hộ nghèo.

- Các quy định của pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn nhưng chưa kịp thời sửa đổi, nhất là các Luật liên quan đến đất đai, đầu tư...

- Biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến thất thường, khó lường, tác động ngày càng mạnh mẽ lên hoạt động sản xuất, kinh doanh, nông nghiệp...

b) Nguyên nhân chủ quan

- Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn yếu về năng lực, còn hiện tượng né tránh và đùn đẩy trách nhiệm, chưa mạnh dạn trong công tác tham mưu; chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Việc chấp hành pháp luật của một số người dân chưa tốt, tình trạng lấn chiếm đất, vi phạm Luật Đất đai; gây khó khăn, cản trở việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền vẫn còn.

- Công tác phối hợp giữa các phòng, ban ngành với nhau; phòng, ban ngành với địa phương trong triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Năng lực quản lý, điều hành của một số chủ đầu tư, nhất là ở cấp xã chưa đáp ứng kịp với nhiệm vụ được giao.

2. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện 3 năm qua, rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, đoàn kết thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội là nhân tố quyết định kết quả thực hiện thắng lợi các mục tiêu chính trị. Trước hết việc đề cao nguyên tắc trong tổ chức sinh hoạt Đảng, trong đó nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, kỷ luật nghiêm minh làm nòng cốt; đồng thời, trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành cần vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương.

Hai là, tập trung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, gắn phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với bảo vệ môi trường.

Ba là, xác định rõ tiềm năng, thế mạnh của huyện; lựa chọn đúng nội dung các khâu đột phá, các chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm với quyết tâm cao; huy động cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc, chỉ đạo quyết liệt trong tổ chức thực hiện; trong chỉ đạo phải luôn quan tâm đến chất lượng, hiệu quả.

Bốn là, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chăm lo, hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách để tạo sự đồng thuận trong xã hội. Tranh thủ các nguồn lực, thu hút đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời sơ kết, tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành.

Năm là, chăm lo phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị, phẩm chất, năng lực, phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành, các cấp, nhất là người đứng đầu phải thực sự gương mẫu, có tầm nhìn, năng động, sáng tạo, sâu sát cơ sở, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 06 TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp; nhân rộng các mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp có hiệu quả kinh tế cao. Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình và các loại hình kinh tế tập thể hợp tác xã để liên kết,

kết nối thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp; chú trọng thực hiện Đề án mỗi xã một sản phẩm.

2. Tiếp tục thực hiện quy ước nông thôn, tăng cường giáo dục, bồi dưỡng cho thế hệ trẻ tinh thần lập thân, lập nghiệp, lòng tự hào dân tộc, nhận thức đúng đắn về giá trị cuộc sống, tự lực vươn lên. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả của Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*” gắn với thực hiện Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Xây dựng và nhân rộng gương “*Người tốt, việc tốt*” và các điển hình tiên tiến. Tăng cường thực hiện Cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”; từng bước đầu tư, nâng cấp thiết chế văn hóa - thể thao ở cấp huyện và cơ sở.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo viên và cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp. Tiếp tục huy động nguồn vốn đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra. Đẩy mạnh khuyến học, khuyến tài; nâng cao hiệu quả các trung tâm học tập cộng đồng gắn với xây dựng xã hội học tập. Thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số.

4. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Tăng cường nguồn lực thực hiện công tác phòng, chống dịch và tiêm phòng vắc xin phòng dịch theo hướng dẫn của các cấp, ngành. Tiếp tục phát triển và củng cố mạng lưới y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc y tế cơ bản của người dân, đặc biệt là đối tượng chính sách, hộ nghèo, góp phần thực hiện định hướng công bằng trong chăm sóc sức khỏe. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến thực hiện chính sách, pháp luật về hôn nhân, gia đình, hạn chế nạn tảo hôn. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt đào tạo chuyên khoa cho đội ngũ cán bộ y tế từ cấp huyện đến xã.

Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, đặc biệt công tác phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi và công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn.

5. Giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho người có công với cách mạng. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia vận động phong trào “*Đền ơn đáp nghĩa*”. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội; quan tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, thanh thiếu niên, phụ nữ. Vận động toàn dân tham gia bảo hiểm y tế theo hướng tự nguyện. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chú trọng đến hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; xây dựng kế hoạch xúc tiến tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm của người dân. Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kế hoạch đề ra.

Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách giảm nghèo đa chiều. Làm tốt công tác giáo dục - đào tạo, xem đây là giải pháp căn cơ

để thoát nghèo bền vững. Đẩy mạnh giới thiệu lao động làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất trong và ngoài tỉnh. Xây dựng và triển khai đề án hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2026 - 2030.

6. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, từng bước cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 cho tổ chức, công dân; thường xuyên kiểm tra, giám sát công vụ; thường xuyên chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức công vụ tốt, năng lực chuyên môn cao, theo kịp sự phát triển của thời đại.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc đề án vị trí việc làm. Đề cao trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm người đứng đầu. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra công vụ xử lý triệt để các hành vi gây phiền hà cho tổ chức và công dân.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân tộc. UBND huyện Ba Tơ kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Dân tộc- Tôn giáo;
- Thường trực Huyện ủy;
- CT, PCT UBND huyện;
- VP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, DTTG.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lữ Đình Tích